

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TÔN GIÁO HIỆN NAY

Trần Đức Dương*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân những di sản, những tư tưởng quý báu, trong đó có vấn đề tôn giáo. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo là sự vận dụng sáng tạo quan điểm mácxít về tín ngưỡng, tôn giáo trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam. Tư tưởng này được xây dựng trên cơ sở nhận thức rõ đặc điểm văn hóa Việt Nam - một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo. Các tín ngưỡng, tôn giáo có lịch sử hình thành, phát triển và có đặc điểm riêng, với xu hướng hòa đồng, tồn tại đan xen, ảnh hưởng lẫn nhau. Nổi bật trong tư tưởng của Người về tôn giáo là tư tưởng đoàn kết lương giáo, hoà hợp dân tộc và về quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Những tư tưởng ấy không chỉ được thể hiện thông qua những bài viết, lời phát biểu, chỉ thị, sắc lệnh mà còn thông qua những cử chỉ, hành động cũng như phong cách ứng xử của Người đối với tín đồ, giáo sĩ, nhà tu hành các tôn giáo.

Hồ Chí Minh là một người “vô thần”, nhưng trong quá trình nghiên cứu về “hữu thần” Người đã lĩnh hội được cái tinh túy của “hữu thần”. Từ đó, Người đã kết hợp được cái cao quý của trần thế và cái tinh túy của từng tôn giáo, từ các học thuyết khác thành cái của riêng mình. Người khẳng định: “Cổ nhiên chủ nghĩa duy linh đối lập với chủ nghĩa duy vật nhưng điều đó không cản trở quyết tâm giành, giữ độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc cho đồng bào của người Việt Nam”(1). Theo Hồ Chí Minh, thế giới quan mácxít và chủ nghĩa

duy vật hoàn toàn khác tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm nhưng không phải vì thế mà nghi kị, bài xích, đối đầu với tôn giáo. Đồng thời khẳng định chính sách lâu dài nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là đoàn kết lương giáo, hoà hợp dân tộc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân để kháng chiến - kiến quốc, xây dựng CNXH.

Thực chất tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo là nhằm xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chính sách tôn giáo theo tư tưởng của Người, thể hiện tính nhất quán, lâu dài, thực sự tôn trọng tín ngưỡng, tôn giáo; thái độ mềm dẻo, khéo léo trong việc giải quyết các vấn đề tôn giáo. Trong “*Tám điều mệnh lệnh*” của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ghi rõ: Chính phủ, quân đội và đoàn thể phải tôn trọng tự do tín ngưỡng, phong tục tập quán của đồng bào.

Trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, công việc bộn bề, nhưng Người luôn giành những sự quan tâm đặc biệt đến tổ chức, cơ sở thờ tự và chức sắc, tín đồ tôn giáo. Ngày 6/3/1946, Người ký sắc lệnh thành lập Liên đoàn Công giáo Việt Nam; ngày 15/3/1946 ký sắc lệnh thành lập Hội Phật giáo Việt Nam. Người xem cơ sở thờ tự của tôn giáo như những công trình lịch sử văn hoá, những công trình phúc lợi xã hội. Vì vậy trong chương trình công tác của Chính phủ, Người đề nghị: nhà thờ, chùa chiền được Nhà nước bảo hộ như nhà tình thương, trường học. Còn những kẻ mà đập,

*GV khoa Dân Văn

đốt nhà thờ thì Bác đã chỉ ra là: “Thực dân là lũ sa tăng, phản chúa, phá đạo là thằng thực dân”. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xem những chức sắc tôn giáo có lòng kính chúa, yêu nước như những người bạn thân thiết của mình.

Ngày 5/4/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu 6 điều nên và không nên làm, trong đó ghi: "Không nên xúc phạm đến tín ngưỡng, phong tục của nhân dân"¹ và phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng cho mọi người. Sắc lệnh 234/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 14/6/1955 đã thể hiện rõ tính nhất quán lâu dài của chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

Kế thừa quan điểm mácxít về tôn giáo trong việc xử lý các vấn đề tôn giáo rằng "tuyên chiến âm ỉ... với tôn giáo là đại đột"¹, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn có thái độ mềm dẻo, biện pháp khôn khéo, hợp tình hợp lý trong việc giải quyết các vấn đề tôn giáo ở nước ta.

Về nguyên tắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi các tổ chức tôn giáo phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật "Các tổ chức tôn giáo phải tuân thủ theo pháp luật của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, như mọi tổ chức khác của nhân dân". Trên cơ sở nguyên tắc ấy, các vấn đề nảy sinh trong quan hệ giữa các tôn giáo, quan hệ giữa người theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa tôn giáo với chính quyền... đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh xử lý thành công đến mức hoàn hảo. Phương pháp của Người là kiên trì, nhẫn nại, chân tình. Nếu đã hết sức kiên trì mà không đạt kết quả thì Người rất kiên quyết, rất nghiêm khắc: "Trong Hiến pháp nước ta đã định rõ quyền tự do tín ngưỡng, kẻ nào vi phạm Hiến pháp và khiêu khích bà con Công giáo sẽ bị xử lý". Như vậy phương pháp giải quyết vấn đề tôn giáo của

Chủ tịch Hồ Chí Minh là để giải tỏa hiểu lầm, tăng cường đoàn kết nhân dân.

Trên cơ sở tư tưởng về chính sách tôn giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra những quan điểm, giải pháp đúng đắn để thực hiện thành công vấn đề đoàn kết các tôn giáo mà trọng tâm là đoàn kết Lương - Giáo.

Đoàn kết là một nội dung cơ bản, bao trùm, có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Đối với tôn giáo thì sự chân tình như là một điều kiện tiên quyết để thực hiện đoàn kết. Đoàn kết tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đoàn kết lương - giáo là đoàn kết giữa những người cộng sản với những người có tín ngưỡng tôn giáo; giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo với những người không có tôn giáo. Người khẳng định: "Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn lâu dài. Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phụng sự nhân dân thì ta đoàn kết với họ"². Đoàn kết tôn giáo là một nội dung quan trọng trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là sự nghiệp chung không phải của riêng ai. Trong tư tưởng đoàn kết lương-giáo, Người chỉ rõ: phải đặt lợi ích dân tộc, lợi ích toàn dân lên trên hết; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, khắc phục được những mặc cảm, định kiến với nhau và chống âm mưu chia rẽ lương - giáo của bọn phản động; phải phân biệt được nhu cầu tín ngưỡng chân chính của đồng bào có đạo với các phần tử phản động lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để có thái độ

¹ Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, t.5, tr.251.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, t.17, tr. 359.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, tr. 359.

đúng đắn; phải kế thừa những giá trị nhân bản của tôn giáo, tranh thủ các giáo sĩ quan tâm đến giáo dân; độ lượng, vị tha với người làm lỗi; phê phán bọn phản động. Đồng thời không chỉ đoàn kết những người có đạo và không có đạo mà còn giáo dục tinh thần đoàn kết giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo khác nhau.

Hồ Chí Minh tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhưng kiên quyết trừng trị những kẻ lợi dụng tôn giáo để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại sự đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng của người khác hoặc làm những việc trái pháp luật. Người đã nhấn mạnh “Bảo vệ tự do tín ngưỡng, nhưng kiên quyết trừng trị kẻ đội lốt tôn giáo để phản chúa, phản nước”. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiến hành nhiều biện pháp nhằm ngăn chặn những biểu hiện vi phạm tín ngưỡng tôn giáo chống những hoạt động lợi dụng tôn giáo vì mục đích ngoài tôn giáo. Người đề xuất việc pháp luật hóa chính sách về quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Trong phiên họp đầu tiên của hội đồng chính phủ lâm thời (3/9/1945) Hồ Chủ tịch đã phát biểu: “Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do, Lương - Giáo đoàn kết”. Đồng thời nghiêm khắc phê phán những sai phạm về chính sách tôn giáo của chính phủ, của cán bộ nhất là những cán bộ dân vận làm công tác tôn giáo. Phải có thái độ đúng đắn và phân biệt giữa tín ngưỡng chân chính với những kẻ lợi dụng tôn giáo. Ngoài việc nghiêm khắc phê phán, Người có biện pháp hữu hiệu với những kẻ lợi dụng tôn giáo vì mục đích ngoài tôn giáo dù ở cương vị nào.

Hồ Chí Minh luôn biết phát hiện những điểm tương đồng giữa tôn giáo với cách mạng, giữa đức tin tôn giáo với tình yêu Tổ quốc để giữ gìn, phát huy, đồng thời biết tôn trọng những dị biệt về thế giới quan

hướng sức mạnh của khối đại đoàn kết vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của cách mạng. Đối với Hồ Chí Minh, người có tín ngưỡng, đức tin tôn giáo và lòng yêu nước không mâu thuẫn với nhau, mà mỗi một người vừa là một người dân yêu nước vừa là một tín đồ chân chính. Tư tưởng về tôn giáo của Người là sự kế thừa xuất sắc chủ nghĩa Mác-Lênin, Bác luôn tôn trọng niềm tin mang tính thiêng của các tín đồ, đặc biệt tư tưởng “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” được Bác vận dụng linh hoạt trong giải quyết vấn đề tôn giáo mà chủ yếu là vận động để mọi tín đồ, chức sắc hiểu và thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước; sống “tốt đời, đẹp đạo”. Tư tưởng và đạo đức nhân văn của Người là toàn diện và cao cả. Qua các bức thư gửi cho đồng bào các tôn giáo và các chức sắc tôn giáo, Người luôn đề cao cái chung của mọi người, không kể Lương hay Giáo, là lòng yêu nước, đó là cái căn bản. Còn cái riêng, cái dị biệt về đức tin, lối sống: đồng bào Giáo thì có tình cảm kính Chúa, đồng bào Lương thì ngưỡng mộ Đức Phật chỉ là sự khác biệt nhỏ, không căn bản. Chúng ta cần phải bỏ qua cái dị biệt nhỏ, giữ lại cái tương đồng lớn. Có thể nói: “Cầu đồng, tôn dị, hiệp thương đạt đến mục đích độc lập dân tộc, tự do hạnh phúc cho con người” là nguyên tắc ứng xử của Hồ Chí Minh đối với tôn giáo. Như Xinh Tơ ni đã nhận xét: “Về phần tôi có thể nhận xét rằng, trong toàn bộ chương trình của cụ Hồ không có một dấu hiệu nào dù rất nhỏ của sự đa nghi, công kích hay chế điều một tôn giáo nào bất định”

Để thực hiện đoàn kết tôn giáo, Người đã tìm ra cơ sở khoa học, nhận thấy được giá trị nhân bản của tôn giáo, đồng thời phát huy những nét hay, nét đẹp về văn hoá, đạo đức của các tôn giáo. Các tôn giáo chân chính xét đến cùng đều có hy vọng giải thoát con người, mong muốn con người được sung sướng tự do, hạnh phúc. Người nói: "Phật sinh ra để lợi lạc quần

sinh, vô ngã vị tha"; "Đức Giê su hy sinh là vì muốn loài người được tự do, hạnh phúc"...; "Không Tử sinh ra cũng là để giúp con người sống nhân nghĩa vì một thế giới đại đồng". Vì vậy "Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào Lương và các đồng bào tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc"¹.

Thấm nhuần phương pháp biện chứng duy vật, với sự am hiểu về văn hoá và lịch sử sâu sắc, Hồ Chí Minh đã nhận ra sự tương đồng giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội, sự tương đồng giữa người có đạo với người không có đạo. Suy cho cùng, mọi tôn giáo chân chính đều đưa ra một mô hình xã hội tốt đẹp. Vì vậy, Hồ Chí Minh có thái độ rất biện chứng, rất mềm dẻo đối với các tôn giáo. Người đã phát hiện những giá trị tích cực của tôn giáo và biết khai thác và kết hợp chúng với tư tưởng cộng sản nhằm đem lại lợi ích cho cách mạng. Người viết: "Học thuyết Không Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Không Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn hạnh phúc cho loài người, cho xã hội. Nếu nay họ còn sống trên đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định sống chung với nhau hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy".

Có thể nói rằng, Hồ Chí Minh là hiện thân của sự kết hợp hài hoà những điều tốt đẹp nhất của con người "trần thế" với những giá trị của các tôn giáo. Đúng như một nhà báo Phương Tây đã viết: "Hình ảnh của Hồ Chí Minh đã hoàn chỉnh với sự kết hợp đức khôn ngoan của Phật, lòng bác

ái của Chúa, triết học của Mác, thiên tài cách mạng của Lênin và tình cảm của một người chủ gia tộc, tất cả bao bọc trong một dáng dấp rất tự nhiên"⁴.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ nhấn mạnh sự tương đồng giữa các tôn giáo mà còn tìm ra sự tương đồng giữa các tôn giáo với chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội. Người coi tôn giáo như là nơi gửi gắm nguyện vọng thiết tha của một bộ phận quần chúng lao động mong chờ sự giải thoát khỏi áp bức, bất công, nghèo khổ, từ đó cổ vũ họ tham gia kháng chiến, kiến quốc. Đối với các chức sắc tôn giáo, Người luôn động viên, khơi dậy lòng yêu nước thương nòi, gìn giữ, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Ngay cả những giám mục bị bọn đế quốc phản động lợi dụng như giám mục Lê Hữu Từ, Người cũng có thái độ ứng xử rất mềm dẻo, chân tình: Nhận là bạn, mời làm cố vấn của Chính phủ và lựa lời khuyên giải. Từ thái độ khoan dung, độ lượng, nhân từ giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào các tôn giáo đã tạo nên lòng biết ơn, sự kính trọng của tín đồ, chức sắc các tôn giáo trong và ngoài nước đối với Người.

Như vậy, với sự sắc sảo về chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh cái chung, cái tương đồng của các tôn giáo để thực hiện đoàn kết tôn giáo, các lực lượng tôn giáo vào sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc. Nội dung tư tưởng đoàn kết tôn giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang tính chất toàn diện, điều đó được thể hiện cả trong kinh tế, chính trị và văn hóa, xã hội.

Chính sự quan tâm chu đáo, sự chăm lo chân tình đó nên Người đã nhận được một sự phản hồi tốt đẹp trở lại của những người hữu thần, dưới tấm lòng nhân đạo cao cả, chân tình của Người mà Đảng ta đã

⁴. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nxb Sự thật, HN, 1990, tr.27.

tập hợp được đông đảo đồng bào có đạo trở thành một lực lượng to lớn đứng lên đấu tranh giành độc lập tự do.

Để thực hiện đoàn kết tôn giáo, trong đó trọng tâm là đoàn kết Lương - Giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra những giải pháp có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn là: Xây dựng hệ thống chính trị trong vùng có đồng bào tôn giáo, làm tốt công tác vận động với các chức sắc và tín đồ tôn giáo, tích cực đấu tranh chống bọn đế quốc, phản động lợi dụng tôn giáo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chú trọng lãnh đạo và chỉ đạo việc xây dựng và phát huy vai trò của tổ chức đảng các cấp, các hệ thống chính quyền, của mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể quần chúng khác ở các địa phương, nhất là vùng có đồng bào theo đạo. Người đặc biệt chú ý tới công tác phát triển Đảng ở chính các tín đồ Công giáo. Điều này rất quan trọng trong việc tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với đồng bào tôn giáo. Khi trả lời câu hỏi "người Công giáo có thể vào Đảng được không?" Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Có. Người Công giáo nào cũng vào được, miễn là trung thành, hăng hái làm nhiệm vụ, giữ đúng kỷ luật của Đảng. Nước ta kinh tế lạc hậu, kỹ thuật kém, tôn giáo là duy tâm, cộng sản là duy vật, nhưng trong điều kiện hiện tại, người theo đạo vẫn vào Đảng được"⁵.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ ở các vùng đồng bào Công giáo. Người khẳng định: "Cán bộ là gốc của mọi công việc" và "công việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém". Người chủ trương phát triển cán bộ tại chỗ là chính, để họ trở thành cán bộ "bán chuyên nghiệp" đi vận động tôn giáo. Người thường căn dặn

cán bộ phải thật bền bỉ thì mới có thể giúp đồng bào tôn giáo phân biệt rõ bạn, thù.

Trong quá trình tiếp xúc, vận động đồng bào tôn giáo, Người luôn mượn chuyện gần, chuyện xa, chuyện trong kinh thánh để động viên, nhắc nhở đồng bào, chức sắc, những người có đạo: "cách đây hai ngàn năm trong một đêm đông lạnh lẽo đức Giê su đã giáng sinh để cứu vớt nhân loại. Và nay, đồng bào giáo và đồng bào lương đoàn kết nhất trí như con một nhà, kiên quyết giữ vững nền độc lập tự do, ấy là noi theo tinh thần cao cả của Đức Giê su", đặc biệt khi nói chuyện, Người thường viện dẫn những lời trong kinh thánh có giá trị thiết thân trong việc xây dựng tinh thần đoàn kết như: trong kinh thánh có câu "ý dân là ý chúa", trong nhà Phật có câu "vạn chúng là nhất linh" để cho đồng bào thấy rằng: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, Chúa, Phật, hay cộng sản cũng đều mưu cầu ích lợi cho đồng bào, mong muốn đồng bào có một cuộc sống sung sướng, hạnh phúc và tự do.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng công tác vận động đối với các chức sắc tôn giáo và đồng bào tôn giáo. Người luôn biểu lộ sự tôn trọng, quan tâm đối với các chức sắc tôn giáo và tìm cách tốt nhất để tranh thủ họ; song cũng có thái độ xử sự dứt khoát, kiên quyết trừng trị những kẻ mượn tiếng đạo, làm nhục Chúa, làm hại dân. Đối với kẻ lợi dụng tôn giáo để gây chia rẽ, dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào chống lại Tổ quốc, Người chỉ rõ: "Chính phủ sẽ nghiêm trị những kẻ lừa bịp, cưỡng bức đồng bào phải lìa bỏ quê hương, sa vào một đời sống tối tăm cực khổ về phần xác cũng như phần hồn"⁶

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chăm lo đến đời sống của đồng bào tôn giáo, chăm sóc cả "phần xác" và "phần hồn". Theo Người, "phần xác có no ấm thì phần hồn

⁵. Nguyễn Đức Lữ: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, tr. 73.

⁶. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr. 606.

mới thông dong", từ đó Người chỉ đạo Chính phủ cần có chính sách cụ thể để cải thiện cuộc sống cho đồng bào, tích cực tăng gia sản xuất, nâng cao đời sống. Người nói: "Phải ra sức củng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho xã viên. Đồng thời phải đảm bảo tín ngưỡng tự do. Nhưng hoạt động tôn giáo không được cản trở sản xuất của nhân dân, không được trái với chính sách và pháp luật của Nhà nước"⁷. Đối với "phần hồn" của đồng bào tôn giáo, Người không chỉ đánh giá cao giá trị của văn hóa tôn giáo, mà còn trực tiếp quan tâm tới sinh hoạt tôn giáo. Người đã nhiều lần đến các chùa chiền, nhà thờ với tấm lòng thành kính dự các lễ nghi tôn giáo như: Lễ Phật đản, Lễ Giáng sinh...

Như vậy, thực chất tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo là sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo để giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam một cách đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, văn hóa và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tín đồ tôn giáo ở Việt Nam thực hiện tư tưởng của Người về chính sách tôn giáo, đã và đang sống theo phương châm: "Sống phúc âm trong lòng dân tộc", "tốt đời đẹp đạo", "đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội".

Xuất phát từ những quan điểm nêu trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn giáo, tôi xin nêu một số nhận thức về công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay như sau:

Thứ nhất, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội nảy sinh và tồn tại trên cơ sở một tôn tại xã hội nhất định, khi nào tồn tại xã hội vẫn còn những điều kiện để tôn giáo tồn tại thì chừng ấy tôn giáo vẫn tiếp tục sống và phát triển. Thực tiễn nước ta hiện nay đang ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, điều kiện đời sống vật chất, kinh tế, trình độ dân trí còn thấp kém, những mảnh vỡ, tàn tích của chế độ cũ, những di hại của

chủ nghĩa thực dân vẫn còn không ít - tức những điều kiện để tôn giáo tồn tại vẫn còn. Và dĩ nhiên, tôn giáo sẽ còn tồn tại lâu dài ở nước ta. Đó là một thực tế cần được nhận thức và chấp nhận. Vì lẽ đó, những thái độ nôn nóng, tả khuynh muốn xoá bỏ tôn giáo một cách nhanh chóng là hoàn toàn sai lầm và cần loại bỏ.

Tôn giáo là hệ thống các tư tưởng, quan điểm giải thích về thế giới mang màu sắc huyền bí, thần thoại. Xét trên phương diện khoa học và nhận thức, nó kìm hãm sự phát triển của nhân loại, kìm hãm sự phát triển của tư duy con người trong những bức tường chật hẹp của những kinh sách, giáo điều. Nhưng cũng không thể không nhắc đến ý nghĩa của tôn giáo như là một phương thuốc giảm đau cho những con người đang bất lực trước tự nhiên - xã hội kinh khủng và bí ẩn, đang rên siết trong gông cùm của nô dịch và đàn áp, bất công. Bởi vậy, khi nghiên cứu về tôn giáo phải nắm vững quan điểm toàn diện, biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, không thể chỉ xem xét nó một cách phiến diện trong những mặt tiêu cực và hạn chế.

Tôn giáo là một vấn đề hết sức nhạy cảm trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu không giải quyết được vấn đề này thì sẽ không thể tạo dựng được nền tảng tư tưởng cho xã hội mới. Nhưng nếu giải quyết một cách vội vã bằng phương cách cưỡng bức, bạo lực thì chắc chắn sẽ gây ra những bất ổn cho xã hội, và càng kéo dài hơn sự tồn tại của tôn giáo trong lòng nhân dân.

Chủ nghĩa Mác-Lênin và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ rằng: không thể sử dụng bạo lực để đàn áp tôn giáo, mà chỉ có thể sử dụng phương cách giáo dục, tuyên truyền, thuyết phục để toàn thể nhân dân, cả những người theo đạo lẫn những người không theo đạo, có thể nắm bắt được những nguyên lý của chủ nghĩa vô thần khoa học

⁷. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, tr. 273.

và thế giới quan duy vật, từ đó tự nhận ra những bất cập, những vô lý của thế giới quan huyền hoặc tôn giáo, và chủ động từ bỏ tôn giáo. Đó là con đường đúng đắn duy nhất để tiến tới xoá bỏ tôn giáo ra khỏi đời sống xã hội, tiến tới xây dựng một nền tảng tư tưởng tiên bộ, khoa học cho xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, cũng xuất phát từ nhận thức về sự tồn tại lâu dài của tôn giáo, chúng ta cần khẳng định rằng: công tác tôn giáo không phải là phê phán tôn giáo một cách cực đoan, bài trừ tôn giáo bằng bạo lực, mà phải thông qua công tác vận động quần chúng, phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất Tổ quốc... Điều đó có nghĩa là, phải tuyệt đối không được sử dụng các biện pháp bạo lực để xoá bỏ tôn giáo. Vi phạm nguyên tắc này là cố tình đẩy xã hội tới chỗ phân chia, đẩy những người theo đạo vào chỗ buộc phải chống lại chính quyền nhân dân. Vi phạm nguyên tắc này cũng là đi ngược lại nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, vi phạm nghiêm trọng tới quyền thiết yếu nhất của con người: quyền được tự do và trong đó có quyền được tự do theo hay không theo một tôn giáo. Bên cạnh đó, cần phải không ngừng phát huy những giá trị tốt đẹp, tích cực của tín ngưỡng tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa; cần phải nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Bên cạnh đó, cần giáo dục đồng bào nhận thức đúng đắn để “vứt đi những bông hoa giả điếm trang trên xiềng xích” để hái lấy những bông hoa thật cho mình.

Thứ ba, giữa đạo và đời, giữa đức tin và lòng yêu nước, giữa tôn giáo với chủ nghĩa xã hội có nhiều điểm tương đồng, thống nhất trong một con người, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với cách mạng nước ta. Vì vậy, yêu cầu đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay là không chỉ góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội mà còn phải biết phát hiện, phát

huy những yếu tố có ý nghĩa về văn hoá, đạo đức trong các tôn giáo, động viên được người có đạo tham gia các phong trào cách mạng một cách tự giác. Phải kết hợp chặt chẽ vấn đề nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân theo đạo với nhiệm vụ đấu tranh, phòng chống những thế lực phản động lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, để tuyên truyền chống phá cách mạng.

Thứ tư, đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào có đạo, vùng sâu, vùng xa. Việc xây dựng một thiên đường trên trái đất nếu thành công thì cũng đồng nghĩa với việc một thiên đường ở thượng giới sẽ mất đi. Vì vậy, công tác tôn giáo phải được thực hiện bằng hành động xoá bỏ những cơ sở tồn tại của tôn giáo.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học về tôn giáo và tuyên truyền một cách phổ biến về quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đối với công tác tôn giáo nhằm nâng cao nhận thức cho mọi người, nhất là cán bộ, đảng viên và đồng bào có đạo.

Nắm vững các vấn đề nêu trên, chúng ta sẽ tạo ra sự thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân về nhận thức và ứng xử với tôn giáo. Việc nhận thức, thái độ, chính sách và cách giải quyết vấn đề tôn giáo đúng sai, tốt xấu có ảnh hưởng không nhỏ đến sự ổn định chính trị - xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc. Lịch sử và hiện tại không ít bài học rút ra từ phương pháp giải quyết vấn đề tôn giáo và về cái giá phải trả khi ứng xử sai lầm về vấn đề tôn giáo và nhạy cảm này. Do đó, việc nghiên cứu và nắm vững những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn giáo có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác vận động quần chúng, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, xây dựng đất nước ngày càng vững mạnh.